

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HC-ST
Ngày: 23 - 9 - 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Gót

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 9 và ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HC ngày 29 tháng 4 năm 2025 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1969; (đại diện hộ)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H, sinh năm 1989; (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025)

Địa chỉ: Số B, đường T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trí Q, chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Số B, đường C, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Huỳnh Công H1, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên đất thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ;

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T1, chức vụ: Phó Chủ tịch; (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M: Ông Trần Thanh H2, Chuyên viên Phòng Kinh Tế Ủy ban nhân dân xã M;

Cùng địa chỉ: Xã M, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái B, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T1, chức vụ: Phó Chủ tịch;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã M: Ông Trần Thanh H2, Chuyên viên Phòng Kinh Tế Ủy ban nhân dân xã M;

Cùng địa chỉ: Xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Trần Đình H, ông Nguyễn Chí T1 và ông Trần Thanh H2 có mặt tại phiên tòa. Ông Trần Trí Q và ông Huỳnh Công H1 vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 của người khởi kiện bà Huỳnh Thị T và ông Trần Đình H đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Bà T là hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 (KM16+000 -Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND, thu hồi của hộ gia đình bà T diện tích đất 2.484,1m² (Đất trồng lúa), thuộc một phần thửa 566, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã M, tương ứng với thửa số 14, 15 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023. Lý do thu hồi: Thực hiện Dự án thành phần 2 (KM16+000 - Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1664/QĐ-UBND, thu hồi của hộ gia đình bà T diện tích đất 2.910m² (Đất trồng lúa), thuộc một phần thửa 558, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã M, tương ứng với thửa số 13 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023. Lý do thu hồi: Thực hiện Dự án thành phần 2 (KM16+000 - Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1674/QĐ-UBND thu hồi của hộ gia đình bà T diện tích đất 268,2m² (Đất trồng lúa), thuộc một phần thửa 515, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã M, tương ứng với thửa số 2 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023. Lý do thu hồi: Thực hiện Dự án thành phần 2 (KM16+000-Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UBND thu hồi của hộ gia đình bà T diện tích đất 600m² (Đất ở tại nông thôn), thuộc toàn bộ thửa 732, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã M, tương ứng với thửa số 12 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023. Lý do thu hồi: Thực hiện Dự án thành phần 2 (KM16+000-Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Như vậy, tổng diện tích đất Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi của hộ bà T là 6.262,3m² (Đất ở tại nông thôn 600m² + Đất trồng lúa 5.662,3m²).

Ngày 19/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1754/QĐ-UBND về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (KM16+000-Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C-A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cho hộ bà Huỳnh Thị T tổng số tiền 5.851.359.494 đồng.

Bà T không đồng ý với số tiền bồi thường, hỗ trợ 5.851.359.494 đồng theo Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C nên đã tiến hành khiếu nại. Vì Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/04/2024, Ủy ban nhân dân huyện C chưa đảm bảo quyền lợi chính đáng của gia đình bà T.

Ngày 31/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3265/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khiếu nại của bà T.

Bà T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-UBND-NĐ, với nội dung:

“Điều 1: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T. Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 3265/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Điều 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ nhận được quyết định này, nếu bà Huỳnh Thị T không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính...”

Bà T không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Lý do là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã vi phạm nghiêm trọng thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật khiếu nại. Vi phạm về thời hiệu khởi kiện hành chính quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Mặt khác trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C chưa xác minh, làm rõ, xem xét, đánh giá toàn diện các nội dung, lý do khiếu nại của bà T. Lý do là vị trí đất bồi thường, hỗ trợ chưa đúng thực tế, đất của bà T tiếp giáp đường lộ ĐT 850 nhưng lại ghi tiếp giáp nương lộ, chưa tính tới công sức bồi đắp, cải tạo nâng cao giá trị đất, bồi thường giá đất (đất ở, đất nông nghiệp), tài sản, vật kiến trúc và chi phí di dời quá thấp.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết hủy Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, ông H đại diện cho bà T yêu cầu hủy Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để giải quyết lại lý do là vị trí đất bồi thường, hỗ trợ chưa đúng thực tế, đất của bà T tiếp giáp đường lộ ĐT 850 nhưng lại ghi tiếp giáp nương lộ, chưa tính tới công sức bồi đắp, cải tạo nâng cao giá trị đất, bồi thường giá đất (đất ở, đất nông nghiệp), tài sản, vật kiến trúc và chi phí di dời quá thấp.

Cụ thể là: Ông H đại diện cho bà T yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn đường T (Đoạn M - X (hết khu di tích X)) từ 3.600.000 đồng/m² lên 9.600.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp đường tỉnh ĐT 850 (Đoạn M - X (hết khu di tích X)) từ 552.000 đồng/m² lên 4.000.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường thuộc vị trí 1, vị trí 2 và đất vị trí 3 từ 124.000 đồng/m² lên 2.400.000 đồng/m²; nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng từ 763.865.000 đồng lên 980.000.000 đồng; nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình từ 377.123.994 đồng lên 600.000.000 đồng.

- Theo Văn bản ý kiến số 1124/UBND-HC ngày 04/6/2025 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp):

Ngày 24/6/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 169/QĐ-TTg về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Ngày 05/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Công văn số 1044/UBND-KT về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện T thông báo và quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Ngày 06/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Ngày 19/12/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1640/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 3421/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định số 1663/QĐ-UBND, 1664/QĐ-UBND, 1665/QĐ-UBND, 1674/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đối với hộ bà Huỳnh Thị T.

Ngày 19/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1754/QĐ-UBND chỉ trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Huỳnh Thị T.

Theo phương án bồi thường được phê duyệt, hộ bà Huỳnh Thị T có tổng diện tích đất bị thu hồi là 6.262,3m². Trong đó, thu hồi diện tích 2.484,1m² đất chuyên trồng lúa nước, thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (tương ứng với thửa đất số 14, 15 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023); thu hồi diện tích 2.910m² đất chuyên trồng lúa nước, thuộc một phần thửa đất số 558, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (tương ứng với thửa đất số 13 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023); thu hồi diện tích 268,2m² đất chuyên trồng lúa nước, thuộc một phần thửa đất số 515, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (tương ứng với thửa đất số 02 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023); thu hồi diện tích 600m² đất ở tại nông thôn, thuộc toàn bộ thửa đất số 732, tờ bản đồ số 03, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (tương ứng với thửa đất số 12 thuộc Mảnh trích đo địa chính số TĐ03-2023 do Trung tâm Phát triển quỹ đất đo vẽ và được Sở T duyệt ngày 19 tháng 5 năm 2023).

Hộ bà Huỳnh Thị T được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản với tổng số tiền là 5.851.359.494 đồng (*năm tỷ, tám trăm năm mươi một triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm chín mươi bốn đồng*). Trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất là 4.710.370.500 đồng; bồi thường nhà ở, công trình là 377.123.994 đồng; bồi thường cây trồng là 763.865.000 đồng, hộ bà Huỳnh Thị T không được bố trí nền tái định cư, do không đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hộ bà Huỳnh Thị T không đồng ý và có đơn khiếu nại yêu cầu Nhà nước nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn lên 9.600.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp rạch X - Đường ĐT850 lên 4.000.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m đối với thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường lên 2.400.000 đồng/m²; nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng lên 980.000.000 đồng; nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình lên 600.000.000 đồng. Do hộ bà

Huỳnh Thị T có đất và tài sản (cây trồng, nhà ở, công trình) bị thu hồi để Nhà nước thực hiện Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 3265/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, kết quả giải quyết:

Không chấp nhận nội dung khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn lên 9.600.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp rạch X - Đường ĐT850 lên 4.000.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m đối với thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường lên 2.400.000 đồng/m²; nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng lên 980.000.000 đồng; nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình lên 600.000.000 đồng của bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Giữ nguyên Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cho hộ bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Thị T không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T (lần 2). Nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3265/QĐ- UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T. Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Từ kết quả, diễn biến nêu trên, xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ các Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai

đoạn 1; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024); Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để ban hành Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (Km16+000–Km27+430) thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp, cho hộ bà Huỳnh Thị T là đúng theo quy định pháp luật.

Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết khiếu nại bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Nội dung khởi kiện của bà Huỳnh Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện C giải quyết khiếu nại bà Huỳnh Thị T, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ pháp luật.

- Theo Văn bản ý kiến số 134/UBND-TCDNC ngày 02/6/2025 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:

Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định sau: Quyết định số 1663/QĐ-UBND thu hồi 2.484,1m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc một phần thửa đất số 566; Quyết định số 1664/QĐ-UBND thu hồi 2.910,0m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc một phần thửa đất số 558; Quyết định số 1665/QĐ-UBND thu hồi 600,0m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 732 và Quyết định số 1674/QĐ-UBND thu hồi 268,2m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc một phần thửa đất số 515, cùng tờ bản đồ số 03, xã M, huyện C của hộ bà Huỳnh Thị T để thực hiện dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430)

thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C.

Ngày 19/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1754/QĐ-UBND về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ bằng tiền cho hộ bà Huỳnh Thị T với tổng số tiền là 5.851.359.494 đồng.

Bà Huỳnh Thị T không thống nhất với phương án bồi thường và có đơn khiếu nại yêu cầu: Nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn lên 9.600.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp rạch X - Đường ĐT.850 lên 4.000.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m đối với thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường lên 2.400.000 đồng/m²; nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng lên 980.000.000 đồng; nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình lên 600.000.000 đồng.

Ngày 31/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3265/QĐ-UBND, giải quyết: Bác các nội dung khiếu nại yêu cầu của bà Huỳnh Thị T; giữ nguyên Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần 2, thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C đối với hộ bà Huỳnh Thị T. Bà Huỳnh Thị T không thống nhất, tiếp tục khiếu nại.

Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ, giải quyết: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T.

Hiện nay, bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ND ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T (lần hai) là không có cơ sở.

Căn cứ Luật đất đai năm 2013 (nay là Luật đất đai năm 2024);

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (nay là Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024) của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 (nay là Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024) của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 05 năm (2020 – 2024);

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1.

Căn cứ Công văn số 263/UBND-KT ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1), qua huyện C.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh đồng Tháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh đồng Tháp - Ông Trần Thanh H2 trình bày và đề nghị: Việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Huỳnh Thị T đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên ý kiến theo Văn bản ý kiến số 1124/UBND-HC ngày 04/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3265 và Quyết định số 15.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A. Ngày 12/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định số 1663, 1664, 1665, 1674/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 (Km16+000 - Km27+430), tổng diện tích đất bị thu hồi là 6.262,3m². Trong đó, thu hồi diện tích 2.484,1m² đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 2.910m² đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 268,2m² đất chuyên trồng lúa nước, diện tích

600m² đất ở tại nông thôn, thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp đối với hộ bà Huỳnh Thị T và Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Huỳnh Thị T với tổng số tiền là 5.851.359.494 đồng. Trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất là 4.710.370.500 đồng; bồi thường nhà ở, công trình là 377.123.994 đồng; bồi thường cây trồng là 763.865.000 đồng, hộ bà Huỳnh Thị T không được bố trí nền tái định cư do không đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Hộ bà Huỳnh Thị T không đồng ý với Quyết định số 1754 và có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 31/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3265/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T. Bà T không đồng ý nên đã tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T (lần 2).

Bà Huỳnh Thị T không đồng ý với các Quyết định nêu trên nên ngày 19/3/2025 bà T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, ông H2 đại diện cho bà T xác định bà T khiếu nại là tư cách cá nhân nhưng khởi kiện là đại diện cho hộ nên Hội đồng xét xử xét tư cách của bà T là đại diện hộ.

[1.2] Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết đối với các Quyết định số 1663, 1664, 1665, 1674/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện C nhưng do các Quyết định này có liên quan đến các Quyết định mà bà T đã khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Xét khiếu kiện của bà Huỳnh Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 30 và 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 15 ngày 03/02/2025, đến ngày 19/3/2025, bà T đã có đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.5] Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Huỳnh Công H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét Quyết định số 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (gọi tắt là Quyết định số 3265, Quyết định số 15):

[2.1] Về thẩm quyền ban hành:

Việc ban hành các Quyết định số 3265 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 15 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 3265, Quyết định số 15:

Ngày 15/5/2024, bà T khiếu nại quyết định bồi thường đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 03/6/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 54/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ra Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập tổ xác minh. Ngày 26/6/2024, Phòng T2 lập Báo cáo số 53/BC-PTNMT báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại. Ngày 11/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện tổ chức đối thoại. Ngày 31/7/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 3265 giải quyết khiếu nại lần đầu (bà T nhận Quyết định ngày 06/8/2024).

Bà T không đồng ý với Quyết định số 3265 nên ngày 14/8/2024 bà T gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 22/8/2024, Văn phòng Ủ có Văn bản số 660/VPUBND-TCD giao Sở T kiểm tra, rà soát. Ngày 30/9/2024,

Giám đốc Sở T ban hành Quyết định số 389/QĐ-STNMT về việc thành lập Tổ xác minh khiếu nại về đất đai. Tổ xác minh lập biên bản làm việc ngày 30/9/2024. Ngày 08/10/2024, Giám đốc Sở T có Báo cáo số 437/BC-STNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh. Ngày 19/12/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức đối thoại. Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 15 giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà T (bà T nhận Quyết định ngày 14/02/2025).

Như vậy: Về trình tự, thủ tục của các Quyết định số 3265 và Quyết định 15 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31 32, 36, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thực hiện việc giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định. Tuy nhiên, khi giải quyết khiếu nại để quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 Luật khiếu nại năm 2011 nhưng nội dung giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Về nội dung ban hành các Quyết định:

Tại phiên tòa, ông H2 đại diện cho bà T yêu cầu hủy Quyết định số 3265 và Quyết định số 15 để giải quyết lại lý do là vị trí đất bồi thường, hỗ trợ chưa đúng thực tế, đất của bà T tiếp giáp đường lộ ĐT 850 nhưng lại ghi tiếp giáp nương lộ, chưa tính tới công sức bồi đắp, cải tạo nâng cao giá trị đất, bồi thường giá đất (đất ở, đất nông nghiệp), tài sản, vật kiến trúc và chi phí di dời quá thấp.

Cụ thể là: Ông H2 đại diện cho bà T yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn đường T (Đoạn M - X (hết khu di tích X)) từ 3.600.000 đồng/m² lên 9.600.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp đường tỉnh ĐT 850 (Đoạn M - X (hết khu di tích X)) từ 552.000 đồng/m² lên 4.000.000 đồng/m²; nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường thuộc vị trí 1, vị trí 2 và đất vị trí 3 từ 124.000 đồng/m² lên 2.400.000 đồng/m²; nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng từ 763.865.000 đồng lên

980.000.000 đồng; nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình từ 377.123.994 đồng lên 600.000.000 đồng.

Xét thấy:

[3.1] Yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở tại nông thôn đường T (Đoạn M - X (hết khu di tích X)) từ 3.600.000 đồng/m² lên 9.600.000 đồng/m²:

Theo Quyết định số 11/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh S, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND thì đất ở tại nông thôn của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 2, vị trí 1 thuộc xã M, huyện C có đơn giá là 600.000 đồng/m².

Ngày 14/3/2023, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Văn bản số 263/UBND-KT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1 (Dự án thành phần I), đoạn qua huyện C. Tại điểm a, mục 1 giá đất cụ thể đối với vị trí đất của hộ bà Huỳnh Thị T tiếp giáp nương lộ Xẻo Quýt được xác định theo nguyên tắc tại khoản 4 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 quy định *“Đối với thửa đất mà phần mặt tiền tiếp giáp với các tuyến đường là nương lộ có chiều rộng dưới 3 mét (không phân biệt đã tự san lấp hay chưa san lấp) hoặc đường dân sinh được phép kết nối theo quy định thì giá đất tại vị trí 1 được tính bằng giá đất của thửa đất tiếp giáp với đường phố; giá đất tại vị trí 1 được tính bằng 80% giá của thửa đất tiếp giáp với đường phố nếu chiều rộng của nương lộ rộng từ 3 mét trở lên, cách tính giá đất các vị trí tiếp theo thực hiện theo khoản 2 Điều này”*.

Theo quy định tại Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt đơn giá đất cụ thể để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1; giá đất ở tại nông thôn của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 2, vị trí 1 trong phạm vi 50 mét tiếp giáp rạch X - đường ĐT.850 (đoạn M - X, hết khu di tích X) thuộc xã M, huyện C, đơn giá 4.500.000 đồng/m² x 80% =

3.600.000 đồng/m² (cao hơn Bảng giá đất theo Quyết định 36/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh là 3.000.000 đồng/1m²).

Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi thường đất ở tại nông thôn trong phạm vi 50 mét cho hộ bà Huỳnh Thị T là đúng với đơn giá theo Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt đơn giá đất cụ thể để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1 và Công văn số 263 ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Do đó, bà Huỳnh Thị T yêu cầu nâng giá bồi thường đất ở tại nông từ 3.600.000 đồng/1m² lên 9.600.000 đồng/1m² là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Yêu cầu nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước trong phạm vi 50m tiếp giáp rạch X - Đường ĐT.850 lên 4.000.000 đồng/m²:

Theo Quyết định số 11/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh S, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND thì đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 1, vị trí 2 thuộc xã M, huyện C có đơn giá là 65.000 đồng/m².

Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt đơn giá đất cụ thể để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1; giá đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 1, vị trí 2 trong phạm vi 50 mét tiếp giáp rạch X - đường ĐT850 (đoạn M - X) thuộc xã M, huyện C, đơn giá 552.000 đồng/m² (cao hơn Bảng giá đất theo Quyết định 36/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh là 487.000 đồng/1m²). Ngoài đơn giá bồi thường theo giá đất cụ thể hộ bà Huỳnh Thị T còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 3 lần x 65.000 đồng = 195.000 đồng/m². Như vậy, đơn giá bồi thường và chính sách hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp cho hộ bà Huỳnh Thị T là 747.000 đồng/m².

Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi thường về đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T là đúng với đơn giá theo Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt. Do đó, hộ bà Huỳnh Thị T yêu cầu nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước lên 4.000.000 đồng/m² là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Yêu cầu nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước ngoài phạm vi 50m đối với thửa đất tiếp giáp đường, thửa đất không tiếp giáp đường lên 2.400.000 đồng/m²:

Theo Quyết định số 11/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh S, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND thì đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 1, vị trí 2 thuộc xã M, huyện C có đơn giá là 65.000 đồng/m².

Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt đơn giá đất cụ thể để làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1; Giá đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T thuộc khu vực 1, vị trí 2 ngoài phạm vi 50 mét tiếp giáp rạch X - đường ĐT850 (đoạn M - X) thuộc xã M, huyện C, đơn giá 124.000 đồng/m² (cao hơn Bảng giá đất theo Quyết định 36/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh là 59.000 đồng/1m²). Ngoài đơn giá bồi thường theo giá đất cụ thể hộ bà Huỳnh Thị T còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 3 lần x 65.000 đồng = 195.000 đồng/m². Như vậy, đơn giá bồi thường và chính sách hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp cho hộ bà Huỳnh Thị T là 319.000 đồng/m².

Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi thường về đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Huỳnh Thị T ngoài phạm vi 50 mét là đúng với đơn giá theo Quyết định số 01/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt. Do đó, bà Huỳnh Thị T yêu cầu nâng giá bồi thường đất chuyên trồng lúa nước khu vực 1, vị trí 2 ngoài phạm vi 50m giá từ 124.000 đồng/1m² lên 2.400.000 đồng/1m² là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Yêu cầu nâng tổng số tiền bồi thường cây trồng từ 763.865.000 đồng lên 980.000.000 đồng:

Tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2024 giữa Tổ xác minh với bà Huỳnh Thị T, bà T thống nhất với số liệu trong Biên bản về việc kiểm đếm xác định cây trồng bị thiệt hại do Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thực hiện nhưng không thống nhất giá bồi thường cây trồng, chi phí di dời các loại cây kiểng và chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra đối với vật nuôi là thủy sản.

Qua kiểm tra hiện trạng và hồ sơ bồi thường của hộ bà Huỳnh Thị T, Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi thường cây trồng cho hộ bà Huỳnh Thị T đúng theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Do đó, hộ bà Huỳnh Thị T yêu cầu nâng giá bồi thường cây trồng là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, ông H2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định có mức giá cao hơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3.5] Yêu cầu nâng tổng số tiền bồi thường nhà ở, công trình từ 377.123.994 đồng lên 600.000.000 đồng:

Tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2024 giữa Tổ xác minh với bà Huỳnh Thị T, bà T thống nhất với số liệu trong Biên bản về việc kiểm đếm xác định nhà ở, công trình bị thiệt hại do Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thực hiện nhưng không thống nhất giá bồi thường nhà ở, công trình bị thiệt hại.

Qua kiểm tra hiện trạng và hồ sơ bồi thường của hộ bà Huỳnh Thị T, bà T được bồi thường nhà ở, công trình với tổng số tiền 377.123.994 đồng (theo Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C).

Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi thường diện tích thực tế nhà ở, công trình cho hộ bà Huỳnh Thị T là đúng với đơn giá theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Do đó, hộ bà Huỳnh Thị T yêu cầu nâng giá bồi thường nhà ở, công trình từ 377.123.994 đồng lên 600.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H đại diện cho bà T yêu cầu hủy Quyết định để xem xét các yêu cầu nêu trên, nhưng ông H2 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Đối với dự án đường bộ cao tốc C - A, giai đoạn 1 (dự án thành phần 2) qua huyện C, đoạn xã M huyện C có tổng cộng 112 hộ bị thu hồi đất và được bồi thường, hiện nay đã có 112 hộ đã giao đất để thực hiện công trình. Toàn bộ các hộ dân bị thu hồi đất làm công trình chỉ có 13 hộ khiếu nại đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có 01 hộ khởi kiện đến Tòa án là bà Huỳnh Thị T. Bà T đã nhận tiền bồi thường xong nhưng tiếp tục khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa, ông H đại diện cho bà T cho rằng Ủy ban nhân dân huyện C chưa bồi thường cây cầu bắc qua mương lộ và một phần còn lại của căn nhà. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã M xác định cây cầu và một phần còn lại của căn nhà đã được bồi thường xong theo Bảng kê chi tiết bồi thường – hỗ trợ của hộ bà T. Cho nên xét việc trình bày của ông H2 là chưa phù hợp và không có căn cứ.

Từ các nội dung nêu trên cho thấy: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 3265 giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 15 giải quyết khiếu nại lần hai giữ nguyên Quyết định số 3265 là đúng với quy định.

[4] Bà T không yêu cầu giải quyết đối với các Quyết định số 1663, 1664, 1665, 1674/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện C nhưng do các Quyết định này có liên quan đến các Quyết định mà bà T đã khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, như sau:

Đối với các Quyết định số 1663, 1664, 1665, 1674/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 2). Căn cứ

Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 74/QĐ-UBND-NĐ ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các huyện, thành phố; Quyết định số 323/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện C; Công văn số 1044/UBND-KT ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ủy quyền cho UBND huyện C và UBND huyện T thông báo và quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường C-A, giai đoạn 1; Quyết định số 228/QĐ-UBND-HC ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện T thông báo và quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1; Tờ trình số 498/TTr-TNMT ngày 08/4/2024 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Nội dung: Thu hồi đất của hộ bà Huỳnh Thị T để thực hiện dự án thành phần 2 thuộc Dự án xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy về thẩm quyền, về trình tự thủ tục và nội dung ban hành Quyết định là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2, thuộc Dự án xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1, đoạn qua huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa

bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (km16+000-km27+430), thuộc Dự án xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1, đoạn qua xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Tờ trình số 543/TTr-TNMT ngày 15/4/2024 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường về chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Dự án. Nội dung: Chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thành phần 2 (km16+000-km27+430), thuộc Dự án xây dựng công trình đường C - A, giai đoạn 1, đoạn qua xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Huỳnh Thị T với số tiền là 5.851.359.494 đồng. Xét thấy về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục và nội dung ban hành Quyết định là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét khởi kiện của bà Huỳnh Thị T yêu cầu hủy Quyết định 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét việc trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định. Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31 32, 36, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại năm 2011;

Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh S, bổ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Quyết định số 11/QĐ-UBND-NĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định 3265/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T (lần đầu) và Quyết định số 15/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị T (lần hai).

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 09/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm lên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GD, KT, TT-THA Tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn